TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ A. - TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **30**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 07/12/2018
"*V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A. - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Trung Toàn
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Duy Phước và ông Phan Đình Nguyên.
- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dung- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A., tỉnh Gia Lai
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A. tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chung.

Ngày 07 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A., tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 160/2017/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2018 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Y; sinh năm 1978;
Địa chỉ: Tổ T, phường A, thị xã A., tỉnh Gia Lai. Có mặt
Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N; sinh năm 1970;
Địa chỉ: Tổ T, phường A, thị xã A., tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Chị Nguyễn Thị Y trình bày: Chị Nguyễn Thị Y và anh Nguyễn Văn N tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn A (nay là UBND phường T, thị xã A.), tỉnh Gia Lai vào ngày 16/8/1999. Trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng sống với nhau rất hạnh phúc nhưng thời gian gần đây vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh N không lo làm ăn hay đi uống rượu rồi gây gỗ với vợ, con. Chị Y cảm thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên đã làm đơn xin ly hôn nhưng sau đó đã rút đơn trở về đoàn tụ với anh N nhưng cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng đã ly thân nhau, không còn sống chung với nhau nữa. Do vậy chị Yến tiếp tục khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

Về con chung: Chị Y và anh N có 4 con chung là cháu Nguyễn Văn D, sinh ngày 19/3/1999; cháu Nguyễn Hoài N, sinh ngày 10/10/2001; cháu Nguyễn Duy Đ sinh ngày 01/3/2005 và cháu Nguyễn Thúy A sinh ngày 23/3/2014. Cháu D đã

trưởng thành, tự lực được còn cháu N, cháu Đ và cháu A chưa trưởng thành nên chị Y yêu cầu nuôi cả 3 con, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn N trình bày trong bản khai ngày 27/9/2018 như sau: Anh N và chị Y tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn theo quy định như chị Y trình bày. Trong quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn nên anh N không đồng ý ly hôn. Anh N yêu cầu Tòa án hòa giải để vợ chồng trở về đoàn tụ nuôi dạy con được tốt hơn. Về con chung: Anh N và chị Y có 04 con chung như chị Y trình bày. Nếu ly hôn anh N đồng ý để con cho chị Y nuôi các con. Về tài sản chung và nợ chung: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có ý kiến: Về thủ tục tố tụng Tòa án nhân dân thị xã A. đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A. đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn N và giao các con chung cho chị Nguyễn Thị Y nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa chị Y không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí: Buộc chị Y phải chịu số tiền 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đại diện viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Y yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1970; địa chỉ: Tổ T, phường A, thị xã A., tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thị xã A. thụ lý giải quyết án dân sự nói trên là đúng thẩm quyền.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa mặc dù bị đơn anh N đã được Tòa án Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do. Vì thế, theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Y và anh Nguyễn Văn N tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân giữa chị Y và anh N là hợp pháp. Trong quá trình chung sống chị Y và anh N có phát sinh mâu thuẫn nên chị Y yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Trong lời khai anh N khai rằng không muốn ly hôn và yêu cầu Tòa án hòa giải nhưng khi Tòa án đã triệu tập anh N đến để hòa giải thì anh N vắng mặt không có lý do, thể hiện thái độ bỏ mặc, không quan tâm đến việc tiếp tục duy trì cuộc sống vợ chồng với chị Y.

Hơn nữa giữa chị Y và anh N đã không còn chung sống với nhau từ tháng 9/2018 cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống vợ chồng mà mỗi người có cuộc sống riêng. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị Y và anh N là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Y là có cơ sở.

[4] Về con chung: Chị Y và anh N có 04 con chung là cháu Nguyễn Văn D, sinh ngày 19/3/1999; cháu Nguyễn Hoài N, sinh ngày 10/10/2001; cháu Nguyễn Duy Đ sinh ngày 01/3/2005 và cháu Nguyễn Thúy A sinh ngày 23/3/2014. Hiện nay cháu D đã trưởng thành và tự lực được còn cháu N, cháu Đ và cháu A chưa trưởng thành nên chị Y yêu cầu nuôi cả 3 con. Qua xem xét nguyện vọng của các con chung đều có nguyện vọng ở với mẹ, hơn nữa hiện nay anh N thường xuyên đi làm ăn xa nhà, trong bản khai vào ngày 27/9/2018 anh N cũng đồng ý để chị Y nuôi các con. Vì thế, giao cháu N, cháu Đ và cháu A cho chị Y được tiếp tục nuôi là phù hợp, theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa chị Y trình bày chị có việc làm, có thu nhập nên không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Vì thế, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Y và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì chị Nguyễn Thị Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Bị đơn anh Nguyễn Văn N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 235, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Y;

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Y được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

Về nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Y nuôi các con chung là cháu Nguyễn Hoài N, sinh ngày 10/10/2001; cháu Nguyễn Duy Đ sinh ngày 01/3/2005 và cháu Nguyễn Thúy A sinh ngày 23/3/2014 cho đến khi các cháu thành niên hoặc

đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

- Chị Y không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007093 ngày 24 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, chị Y đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Anh Nguyễn Văn N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

***Thời* hạn kháng cáo:** Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (07/12/2018), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn trên đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai
- VKSND thị xã A.;
- Chi cục THADS TX A.
- UBND phường T, TX A.
(để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Trung Toàn